

Ngày 31/03/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.1%	-18.1%	-20.6%

	2024	
ROE	11.7%	+/- YoY ▲ 1.0%

	Q1/25		
DT thuần	1,586	QoQ ▲ 982 ▲ 163%	YoY ▲ 142 ▲ 9.8%
	tỷ VNĐ		

	2024	
DT thuần	3,466	YoY ▲ 26.0 ▲ 0.7%
	tỷ VNĐ	

	Q1/25		
LN gộp	244	QoQ ▲ 71.0 ▲ 40.9%	YoY ▲ 94.0 ▲ 62.5%
	tỷ VNĐ		

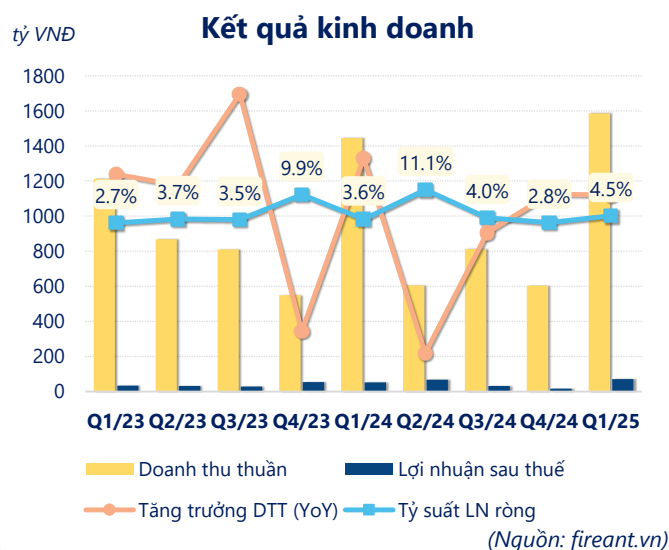
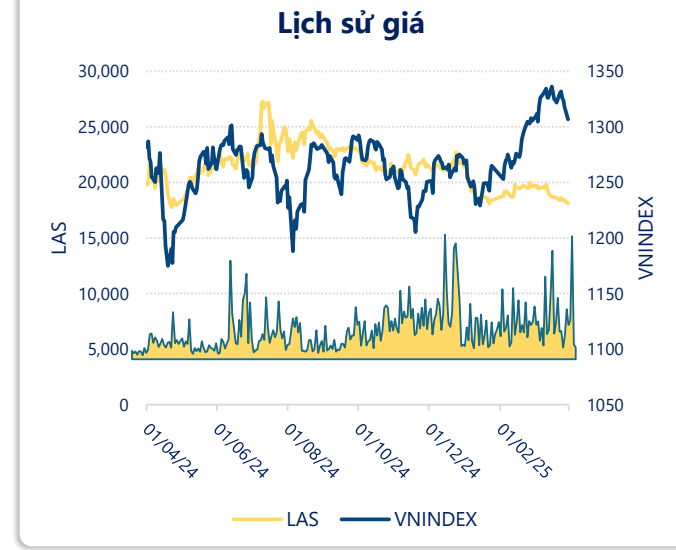
	2024	
LN gộp	638	YoY ▲ 81.0 ▲ 14.6%
	tỷ VNĐ	

	Q1/25		
LN thuần	89.7	QoQ ▲ 52.5 ▲ 141%	YoY ▲ 24.0 ▲ 36.5%
	tỷ VNĐ		

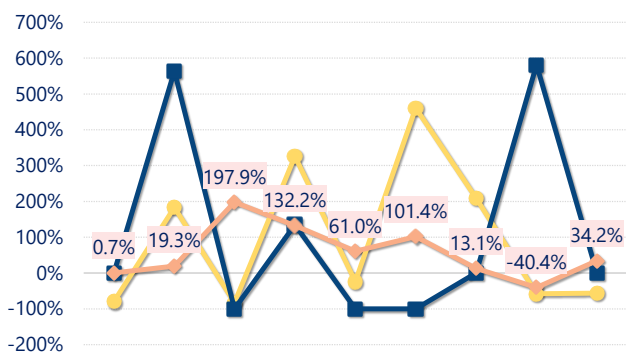
	2024	
LN thuần	219	YoY ▲ 38.0 ▲ 21.1%
	tỷ VNĐ	

	Q1/25		
LN sau thuế	71.8	QoQ ▲ 54.7 ▲ 320%	YoY ▲ 19.3 ▲ 36.7%
	tỷ VNĐ		

	2024	
LN sau thuế	169	YoY ▲ 20.0 ▲ 13.6%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

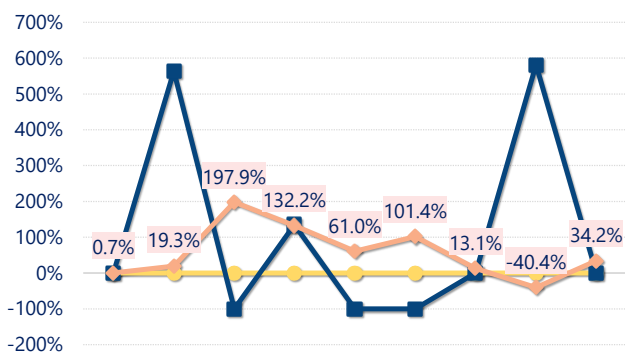


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

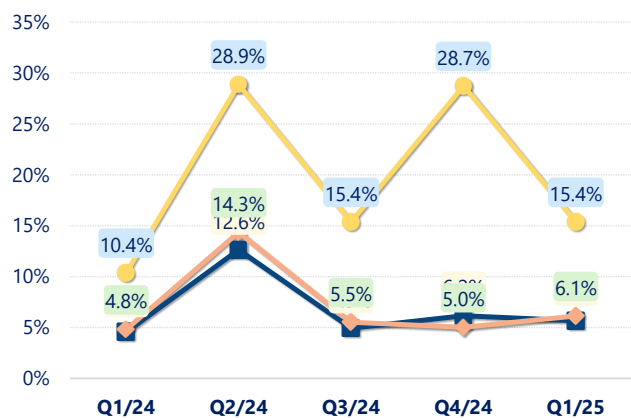


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

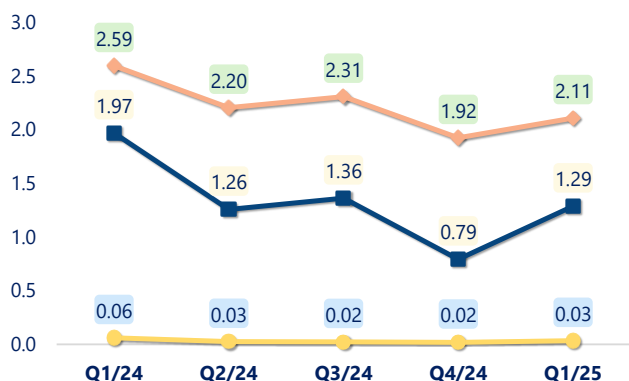


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

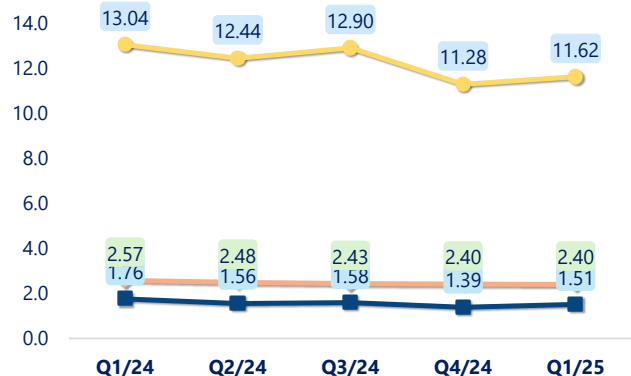


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

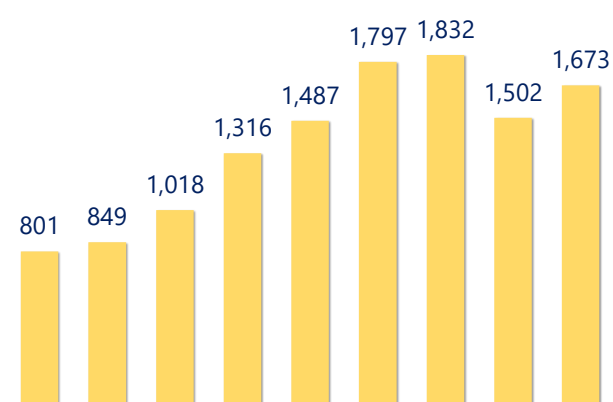


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,586	1,444	9.8%	3,466	3,440	0.7%
Giá vốn hàng bán	1,342	1,294	3.7%	2,827	2,883	-1.9%
Lợi nhuận gộp	244	150	62.5%	638	557	14.6%
Doanh thu HĐTC	5.75	6.27	-8.3%	31.7	14.4	120%
Chi phí TC	7.37	3.93	87.7%	17.6	20.4	-13.7%
Chi phí lãi vay	7.34	3.53	108%	15.1	17.4	-13.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	61.4	36.8	66.8%	187	160	16.9%
Chi phí QLDN	91.1	49.7	83.3%	247	210	17.2%
LN thuần từ HĐKD	89.7	65.7	36.5%	219	181	21.1%
Lợi nhuận khác	0.03	0.19	-84.9%	-3.10	5.27	-159%
LN trước thuế	89.7	65.8	36.3%	216	186	16.0%
Lợi nhuận sau thuế	71.8	52.5	36.7%	169	149	13.6%
LNST của CĐ cty mẹ	71.8	52.5	36.7%	169	149	13.6%

(Nguồn: fireant.vn)

